

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục thuốc, hoá chất,
kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng

Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2009 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 29/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN, ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2009.

2. Thông tư số 20/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2010.

3. Thông tư số 03 /2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2012.

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Thú y;

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành:¹

¹Thông tư số 29/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN, ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có căn cứ ban hành như sau:

- Danh mục hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thuỷ sản (Phụ lục 1)
- Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng trong thú y (Phụ lục 2).
- Danh mục hoá chất, kháng sinh hạn chế sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thuỷ sản (Phụ lục 3)

“Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Thú y;”

Thông tư số 20/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định 119/2008/NĐ-CP ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Thú y”

Thông tư số 03/2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y 2004;

Căn cứ Nghị định 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định 119/2008/NĐ-CP ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Thú y”

- Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh hạn chế sử dụng trong thú y (Phụ lục 4)

2². Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký. Thông tư này thay thế các Quyết định số 07/2005/QĐ-BTS ngày 24/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành Danh mục hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thủy sản; Quyết định 26/2005/QĐ-BTS ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc bổ sung Danh mục kháng sinh nhóm Fluoroquinolones cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thủy sản xuất khẩu vào thị trường Mỹ và Bắc Mỹ; Quyết định số 41/2008/QĐ-BNN ngày 05/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành hạn chế sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam năm 2008.

3³. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; tổ chức, cá nhân

² Điều 4, Thông tư số 29/2009/TT-BNNPTNN ngày 04/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN, ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2009, quy định như sau:

“ Điều 4. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký”.

Điều 2, Thông tư số 20/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2010, quy định như sau:

“ Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký”.

Điều 3, Thông tư số 03 /2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012, quy định như sau:

“Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký”.

³ Điều 5, Thông tư số 29/2009/TT-BNNPTNN ngày 04/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN, ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2009, quy định như sau:

“Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh thuốc thú y bao gồm thuốc thú y thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”.

Điều 3, Thông tư số 20/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất,

trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh thủy sản, sản xuất, kinh doanh thuốc thú y chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 08/VBHN-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để đăng tải);
- Lưu: VT, CTY.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Cao Đức Phát

Phụ lục 1.

DANH MỤC HOÁ CHẤT, KHÁNG SINH CẤM SỬ

kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2010, quy định như sau:

*“**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh thủy sản, sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”*

Điều 4, Thông tư số 03/2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012, quy định như sau:

*“**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT; tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”*

DỤNG TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17 tháng 3 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên hoá chất, kháng sinh	Đối tượng áp dụng
1	Aristolochia spp và các chế phẩm từ chúng	Thức ăn, thuốc thú y, hoá chất, chất xử lý môi trường, chất tẩy rửa khử trùng, chất bảo quản, kem bôi da tay trong tất cả các khâu sản xuất giống, nuôi trồng động thực vật dưới nước và lưỡng cư, dịch vụ nghề cá và bảo quản, chế biến.
2	Chloramphenicol	
3	Chloroform	
4	Chlorpromazine	
5	Colchicine	
6	Dapsone	
7	Dimetridazole	
8	Metronidazole	
9	Nitrofurantoin (bao gồm cả Furazolidone)	
10	Ronidazole	
11	Green Malachite (Xanh Malachite)	
12	Iprnidazole	
13	Các Nitroimidazole khác	
14	Clenbuterol	
15	Diethylstilbestrol (DES)	
16	Glycopeptides	
17	Trichlorfon (Dipterex)	
18	Gentian Violet (Crystal violet)	
19	Nhóm Fluoroquinolones (cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thủy sản xuất khẩu vào thị trường Mỹ và Bắc Mỹ)	
20 ⁴	Trifluralin	
21 ⁵	Cypermethrin	
22 ⁶	Deltamethrin	

⁴ Bổ sung mục này theo Điều 1, Thông tư số 20/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2010

⁵ Bổ sung mục này theo Điều 2, Thông tư số 03/2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012.

⁶ Bổ sung mục này theo Điều 2, Thông tư số 03 /2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012.

23 ⁷	Enrofloxacin	
-----------------	--------------	--

Phụ lục 2

DANH MỤC THUỐC, HOÁ CHẤT, KHÁNG SINH

CẤM SỬ DỤNG TRONG THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên hoá chất, kháng sinh
1	Chloramphenicol (Tên khác Chloromycetin;Chlornitromycin; Laevomycin,Chlorocid, Leukomycin)
2	Furazolidon và dẫn xuất của nhóm Nitrofuran (Nitrofuran, Furacillin, Nitrofurazon, Furacin, Nitrofurantoin, Furoxon, Orafuran, Furadonin, Furadantin, Furaltadon, Payzone, Furazolin, Nitrofurmethon, Nitrofuridin, Nitrovin)
3	Dimetridazole (Tên khác: Emtryl)
4	Metronidazole (Tên khác: Trichomonacid, Flagyl, Klion, Avimetronid)
5	Dipterex (Tên khác: Metriphonat,Trichlorphon, Neguvon, Chlorophos,DTHP); DDVP (Tên khác Dichlorvos; Dichlorovos)
6	Eprofloxacin
7	Ciprofloxacin
8	Ofloxacin
9	Carbadox
10	Olaquidox
11	Bacitracin Zn
12 ⁸	(được bãi bỏ)
13	Green Malachite (Xanh Malachite)
14	Gentian Violet (Crystal violet)

⁷ Bổ sung mục này theo Điều 2, Thông tư số 03/2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012.

⁸ Bỏ điểm này theo Điều 1 Thông tư số 29/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN, ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2009

Phụ lục 3
DANH MỤC HOÁ CHẤT, KHÁNG SINH HẠN CHẾ SỬ DỤNG
TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17 tháng 3 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên hoá chất, kháng sinh	Dur lượng tối đa (MRL)(ppb)
1	Amoxicillin	50
2	Ampicillin	50
3	Benzylpenicillin	50
4	Cloxacillin	300
5	Dicloxacillin	300
6	Oxacillin	300
7	Oxolinic Acid	100
8	Colistin	150
9 ⁹	(được bãi bỏ)	
10 ¹⁰	(được bãi bỏ)	
11	Diflubenzuron	1000
12	Teflubenzuron	500
13	Emamectin	100
14	Erythromycine	200
15	Tilmicosin	50
16	Tylosin	100
17	Florfenicol	1000
18	Lincomycine	100
19	Neomycine	500
20	Paromomycin	500
21	Spectinomycin	300
22	Chlortetracycline	100
23	Oxytetracycline	100
24	Tetracycline	100
25	Sulfonamide (các loại)	100
26	Trimethoprim	50
27	Ormetoprim	50
28	Tricainemethanesulfonate	15-330
29	Danofloxacin	100
30	Difloxacin	300

⁹ Bỏ mục này theo Điều 1, Thông tư số 03/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012

¹⁰ Bỏ mục này theo Điều 1, Thông tư số 03/2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012.

31 ¹¹	Ciprofloxacin	100
32	Sarafloxacin	30
33	Flumequine	600

Phụ lục 4

DANH MỤC THUỐC, HOÁ CHẤT, KHÁNG SINH HẠN CHẾ SỬ DỤNG TRONG THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên thuốc, hoá chất, kháng sinh
1	Improvac (số ĐK: PFU-85 của nhà sản xuất Pfizer Australia Pty Limited)
2	Spiramycin
3	Avoparcin
4	Virginiamycin
5	Meticlорpidol
6	Meticlорpidol/Methylbenzoquate
7	Amprolium (dạng bột)
8	Amprolium/ethopate
9	Nicarbazin
10	Flavophospholipol
11	Salinomycin
12	Avilamycin
13	Monensin
14 ¹²	Tylosin phosphate

¹¹ Sửa đổi mục này theo Điều 1, Thông tư số 03/2012/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012.

¹² Bổ sung mục này theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 29/2009/TT-BNNPTNN ngày 04/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN, ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc, hoá chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2009.

